

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 1, năm học 2023-2024

I. Thông tin chung

Tên học phần:	VIẾT TIẾNG HÀN SƠ CẤP 1 (NGỮ PHÁP TIẾNG HÀN 1)		
Mã học phần:	231_71KORS40202_ĐỀ 1	Số tín chỉ:	2
Mã nhóm lớp học phần:	231_71KORS40202-01,02		
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	60	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	<input type="checkbox"/> Có	<input checked="" type="checkbox"/> Không	

1. Format đề thi

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Tên các phương án lựa chọn: **in hoa, in đậm**
- Không sử dụng nhảy chữ/số tự động (numbering)
- Mặc định phương án đúng luôn luôn là Phương án A ghi ANSWER: A
- Tổng số câu hỏi thi:
- Quy ước đặt tên file đề thi:
 - + **Mã học phần**_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1
 - + **Mã học phần**_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1_Mã đề (*Nếu sử dụng nhiều mã đề cho 1 lần thi*).

2. Giao nhận đề thi

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: khaothivanlang@gmail.com bao gồm file word và file pdf (*nén lại và đặt mật khẩu file nén*) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhất Linh).

- Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng **File Hot Potatoes**. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ Quý Thầy Cô.

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO2	Vận dụng cấu trúc ngữ pháp đơn giản, hiểu rõ ngữ cảnh để viết câu văn, đoạn văn đơn giản ở trình độ sơ cấp.	Trắc nghiệm	45%	Trắc nghiệm (từ câu 1 đến câu 15)	4.5	PI3.2
CLO3	Vận dụng các kỹ năng viết tiếng Hàn để diễn đạt thông tin với các bên liên quan một cách hiệu quả ở trình độ sơ cấp	Tự luận	55%	Tự luận (câu 1 và câu 3)	5.5	PI5.2

Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1)

(2) Nêu nội dung của CLO tương ứng.

(3) Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

(4) Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).

(5) Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.

(6) Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.

(7) Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.

III. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (15 câu + mỗi câu 0.3 điểm)

※ [1~15] ()에 들어갈 가장 알맞은 것을 고르십시오.

1. (0.3 điểm)

저는 ()에 갔습니다. 책을 샀습니다.

- A. 서점
- B. 공원
- C. 세탁소
- D. 극장

ANSWER: A

2. (0.3 điểm)

이 사람은 회사원입니다. 학생()아닙니다.

- A. 이
- B. 과
- C. 의
- D. 을

ANSWER: A

3. (0.3 điểm)

()을 안 가지고 왔습니다. 지금 돈이 없습니다.

- A. 지갑
- B. 안경
- C. 사전
- D. 우산

ANSWER: A

4. (0.3 điểm)

교실에 학생이 없습니다. 그래서 ().

- A. 조용합니다
- B. 예쁩니다
- C. 작습니다
- D. 가깝습니다

ANSWER: A

5. (0.3 điểm)

우리는 () 만났습니다. 인사를 했습니다.

- A. 처음
- B. 아마
- C. 아직
- D. 별로

ANSWER: A

6. (0.3 điểm)

학교 앞에서 약속이 있습니다. 그래서 친구를 ().

- A. 기다립니다
- B. 도와줍니다
- C. 좋아합니다
- D. 가르칩니다

ANSWER: A

7. (0.3 điểm)

선생님() 한국어를 가르치십니다.

- A. 께서
- B. 에서
- C. 을
- D. 에

ANSWER: A

8. (0.3 điểm)

어제는 친구하고 마트에 ().

- A. 갔습니다
- B. 가었습니다
- C. 갑니다
- D. 가였습니다

ANSWER: A

9. (0.3 điểm)

우리는 친구 집에서 같이 고향 음식을 만들고 ().

- A. 먹었습니다
- B. 먹았습니다
- C. 먹였습니다
- D. 먹셨습니다

ANSWER: A

10. (0.3 điểm)

도서관입니다. 책이 아주 ().

- A. 많습니다
- B. 넓습니다
- C. 쉽습니다
- D. 짧습니다

ANSWER: A

11. (0.3 điểm)

우리 반 선생님하고 친구들은 아주 ().

- A. 친절합니다
- B. 깨끗합니다
- C. 맛있습니다
- D. 비쌉니다

ANSWER: A

12. (0.3 điểm)

가: () 음식을 자주 드세요?

나: 한국 음식을 자주 먹어요.

- A. 무슨
- B. 무엇
- C. 어느
- D. 어디

ANSWER: A

13. (0.3 điểm)

그래서 그 커피숍에서 커피를 만들고 () 커피 이야기를 듣습니다.

- A. 여러 나라
- B. 여러 커피
- C. 여러 시험
- D. 여러 이야기

ANSWER: A

14. (0.3 điểm)

왕밍은 한국 친구를 ().

- A. 사귀고 싶어 해요
- B. 사귀고 싶어요
- C. 받고 싶어 해요
- D. 받고 싶어요

ANSWER: A

15. (0.3 điểm)

부모님이 고향 () 계십니다.

- A. 에
- B. 에서
- C. 게서
- D. 부터

ANSWER: A

PHÂN TỰ LUẬN (2 câu; 2.5 điểm + 3 điểm)

Câu 1 (2.5 điểm): 아래의 글에는 5 개의 실수가 있습니다. 찾아서 고쳐 쓰십시오.

저는 옷하고 액세서리를 사고 싶어 했습니다. 그래서 어제에 동대문 시장에 갔습니다. 동대문 시장은 아주 컸습니다. 그리고 가게가 많았습니다. 저는 먼저 옷 가게에 갑니다. 바지가 예뻐지만 비쌌습니다. 그래서 저는 바지를 사지 않았습니다. 그리고 액세서리 가게에서 갔습니다. 목걸이하고 귀걸이를 예뻐합니다. 하지만 목걸이는 아주 비쌌습니다. 귀걸이가 싸고 예뻐합니다. 그래서 귀걸이만 샀습니다.

어제는 피곤했지만 재미있었습니다.

- 1. →
- 2. →
- 3. →
- 4. →
- 5. →

Câu 2 (2 điểm):

“여러분이 자주 가는 장소”를 주제로 10 -12 문장을 써 보십시오

Câu 3 (1 điểm):

뒤에 있는 문장을 한국말로 번역하십시오.

- Mỗi buổi sáng tôi uống cafe ở gần trường. (0,5 điểm)
- Sáng hôm qua tôi đã làm bài tập ở thư viện cùng với bạn (0,5 điểm)

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm		4.5	
Câu 1 – 15		0.3	
II. Tự luận		5.5	
Nội dung câu 1	<ol style="list-style-type: none"> 1. 사고 싶어 했습니다 → 사고 싶었습니다 2. 어제에 → 어제/어제는 3. 갑니다 → 갔습니다 4. (가게)에서 → (가게)에 5. (귀걸이)를 → (귀걸이)는/가 	2.5	
Nội dung câu 2	<p>저는 커피를 아주 좋아합니다. 그래서 집 근처 커피숍에 자주 갑니다. 그 커피숍 이름은 ‘안녕, 나의 커피’입니다. 그 커피숍은 조용하고 커피가 맛있습니다. 그리고 분위기가 좋습니다. 저는 거기에서 책을 읽고 커피를 마십니다.</p> <p>매주 토요일에 커피숍에서 커피 수업을 합니다. 저는 커피에 관심이 많습니다. 그래서 그 커피숍에서 커피를 만들고 여러 나라의 커피 이야기를 듣습니다. 커피숍 사장님의 수업은 정말 재미있습니다. 이번 주말에도 저는 ‘안녕, 나의 커피’에서 커피 수업을</p>	2.0	

	듣습니다. 그래서 저는 이번 주말을 기다립니다.		
Nội dung câu 3	<ul style="list-style-type: none"> - 매일 아침에 학교 근처에서 커피를 마십니다. - 어제 오전에 친구하고 같이 도서관에서 숙제를 했습니다. 	1.0	
	Điểm tổng	10.0	

Người duyệt đề



ThS. Nguyễn Thị Hương

TP. Hồ Chí Minh, ngày 2 tháng 12 năm 2023

Giảng viên ra đề



Đinh Thị Huyền